

MỘT SỐ GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VÀ CON NGƯỜI Ở KHU VỰC ĐÔNG Á KHI HỘI NHẬP QUỐC TẾ

PGS.TS TRẦN LÊ BẢO

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Mỗi cộng đồng dân tộc nói riêng và ở mỗi khu vực nói chung, trong quá trình tương tác với tự nhiên và xã hội, đều tạo cho cộng đồng và khu vực sống của mình những giá trị văn hóa riêng. Những giá trị văn hóa này được sàng lọc, bảo lưu theo lịch sử, sẽ trở thành giá trị văn hóa truyền thống của mỗi cộng đồng, mỗi khu vực. Khu vực Đông Á với đặc điểm riêng của không gian văn hóa, cùng với những đặc thù về địa lý, về tộc người, về kinh tế-xã hội và những giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng trong và ngoài khu vực, đã tạo nên một số giá trị văn hóa truyền thống khác biệt so với những khu vực khác. Những giá trị văn hóa truyền thống này là một trong những động lực quan trọng để cộng đồng các dân tộc trong khu vực Đông Á có thể phát huy thế mạnh, phát huy những mặt tích cực khi hội nhập quốc tế, trong xu thế toàn cầu hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

1. Khái niệm Đông Á

Trước hết Đông Á là một khu vực của châu Á. *Về mặt địa lý*, Đông Á nằm ở phía Đông của châu Á, chiếm khoảng 6.640.000 km², tương đương với 15% diện tích châu Á. *Về văn hóa*, Đông Á bao gồm cộng đồng các dân tộc chịu một phần ảnh hưởng của nền văn minh Trung Hoa, thể hiện trong quá trình lịch sử dài lâu, từ ngôn ngữ Hán, đến tôn giáo, triết học như Khổng giáo, Lão giáo, Phật giáo Đại thừa. Những chữ viết, tổ hợp ngôn ngữ, quan niệm chính trị và tôn giáo đã ảnh hưởng đến đời sống vật chất và tinh thần cũng như phong tục tập quán, cách thức tổ chức cộng đồng của các quốc gia dân tộc trong khu vực, tạo nên những giá trị tương đồng có thể phân biệt với khu vực khác xung quanh.

Khu vực Đông Á rộng lớn có đặc thù phức tạp về địa lý, gồm cả ba vùng rừng núi, đồng bằng và đảo biển, với nhiều đới khí hậu khác nhau trải dài từ Bắc xuống Nam. Khí hậu biển và lục địa đắp đổi tạo

thành bốn mùa trong khu vực Đông Á. Điều đáng nói là khu vực này có một thế mạnh về cư dân, với hơn 1,5 tỷ người, khiến cho nhiều nơi khác trên thế giới không thể có được. Số lượng cư dân Đông Á chiếm khoảng 40% dân số châu Á hay 1/4 dân số thế giới. Mật độ dân số nơi đây khoảng 230 người/km² gấp 5 lần mật độ bình quân trên thế giới. Với số dân đông đảo, mật độ dày đặc, ngay từ xa xưa cư dân Đông Á đã biết tác động vào môi trường tự nhiên và xã hội, lao động sáng tạo, tạo ra nền văn minh lúa nước, cùng nhiều hằng số văn hóa độc đáo khác với các khu vực xung quanh.

2. Những giá trị văn hóa truyền thống của các cộng đồng cư dân khu vực Đông Á

2.1. Giá trị văn hoá là hệ thống chuẩn mực về các quan hệ giữa con người - xã hội loài người với tự nhiên và con người với con người. Những giá trị này là do con người tác động vào tự nhiên xã hội và bản thân mà trù xuất được. Nói tới giá trị văn hoá cũng là nói tới thái độ, trách nhiệm và những quy tắc ứng xử của con người trong quan hệ tương tác với cộng đồng xã hội và tự nhiên sao cho hài hoà. Theo ý nghĩa của giá trị, thì văn hoá được coi là tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần do lao động của nhiều thế hệ con người sáng tạo ra. Các giá trị này chính là sức mạnh bản chất của con người được "vật thể hoá".

Như vậy, giá trị văn hoá Đông Á là hệ thống chuẩn mực về quan hệ giữa con người - xã hội loài người với tự nhiên và quan hệ giữa con người với con người, do các cộng đồng cư dân trong khu vực Đông

Á sáng tạo ra trong quá trình tương tác lâu dài với tự nhiên và xã hội. Những giá trị này thể hiện diện mạo tinh thần của cộng đồng các dân tộc Đông Á, có thể khu biệt với văn hóa của cộng đồng các dân tộc khu vực khác.

Mặc dù không gian địa lý của khu vực Đông Á rộng lớn và đa dạng, có năm cộng đồng quốc gia dân tộc: Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản và Việt Nam cùng chung sống; mỗi cộng đồng dân tộc lại có những bản sắc khác nhau, song xét về tiêu chí loại hình của khu vực, có thể coi Trung Quốc là một khu vực loại hình tiêu biểu để có thể xác định những giá trị chung của văn hoá Đông Á. Bởi mấy lý do sau: *Thứ nhất*, Trung Quốc có địa hình rộng lớn nhất và bao gồm các yếu tố địa hình đa dạng có cả rừng núi, đồng bằng và biển hết sức tiêu biểu cho khu vực Đông Á. *Thứ hai*, Trung Quốc là nước đông dân nhất chẳng những so với khu vực mà nhất cả thế giới (khoảng 1,3 tỷ người). Điều quan trọng hơn Trung Quốc là một trong năm nền văn minh của nhân loại, cũng là một nền văn minh tiêu biểu ở Đông Á, ánh sáng văn minh ở đây có sức lan toả, ảnh hưởng đến văn hoá các cộng đồng dân tộc trong khu vực Đông Á và ngoài Đông Á.

Về loại hình, văn hoá Đông Á thuộc văn hoá phương Đông có nguồn gốc thiên về văn hoá nông nghiệp, khác với văn hoá phương Tây thuộc nguồn gốc văn hoá thiên về du mục và thương nghiệp. Từ hai loại hình cơ bản này có thể làm rõ hơn sự khu biệt giữa văn hoá phương Đông (trong đó có văn hoá Đông Á) và văn hoá phương Tây.

2.2. Những giá trị văn hóa có tính chất gốc nguồn

Trên cơ sở những khác biệt về gốc nguồn, về nơi sinh sống, nghề sinh sống, cách sống, dẫn đến những khác biệt trong nhận thức về vũ trụ, về xã hội và con người; khác biệt về lối tư duy, lối sống, thể hiện qua mối quan hệ tương tác của con người với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Từ đó người ta có thể xác định được các giá trị văn hoá Đông Á. Như vậy đặc trưng*khuyết biệt về gốc nguồn là đặc trưng mang tính định hướng về chất của hai loại hình văn hoá gốc nông nghiệp và gốc du mục. Từ trong lịch sử xa xưa, để có thể tồn tại, các cộng đồng dân tộc trên thế giới đều phải dựa vào hai hình thức sản xuất là chăn nuôi và trồng trọt. Tuy nhiên tùy theo điều kiện địa lý tự nhiên mà các cộng đồng cư dân phải lựa chọn và theo hình thức nào là chủ yếu, nên mới hình thành hai loại hình thức sản xuất có tính chất gốc nguồn trong lịch sử nhân loại.

Cư dân Đông Á gốc nông nghiệp sống phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Nơi sinh sống chủ yếu phải là những vùng đồng bằng, có sông ngòi. Nghề chính là trồng lúa trên đồng ruộng, nên cách sống là phải định cư, nhà cửa ít di dời, sống hài hoà với tự nhiên, luôn quan tâm đến khí hậu, thời tiết mùa vụ, nguồn nước, đất đai canh tác, cây cối quanh môi trường sống. Cũng vì vậy, họ luôn cầu mong mưa thuận gió hoà, ngô lúa tốt tươi, con cháu sinh sôi luôn quần tụ bên nhau.

Về lối tư duy, hai loại hình văn hoá cũng tạo nên những khác biệt của hai

kiểu tư duy trái ngược. Đối với cư dân gốc nông nghiệp phương Đông, cuộc sống dường như hoàn toàn lệ thuộc vào tự nhiên, đối tượng phải quan sát và theo dõi của họ vừa rộng (trông trời, trông đất, trông mây, trông mưa, trông gió), lại vừa dài (trông ngày, trông đêm). Mặt khác, nhiều nơi nhờ tự nhiên ban tặng cho nguồn nước với nhiều phù sa màu mỡ, nhiệt độ và độ ẩm cao, mưa nắng thuận lợi, chỉ bỏ ít sức lao động mà vẫn thu hoạch vì vậy họ chỉ cần thuận theo tự nhiên mà sống, cũng chẳng cần đi sâu vào phân tích, lý giải như các cộng đồng gốc du mục phương Tây; cho nên tư duy của họ là *tư duy trực giác, mang tính tổng hợp và kéo theo là tính biện chứng và duy linh*. Vậy nên nét độc đáo của tư duy cư dân nông nghiệp là *tổng hợp nhằm bao quát được nhiều yếu tố, nhiều hiện tượng, biện chứng là để tìm ra những mối quan hệ, liên hệ giữa các yếu tố, các phạm trù*. Điều này tạo nên nét đặc trưng tính cách con người phương Đông nông nghiệp là *ưu quan sát và đúc rút kinh nghiệm để truyền lại cho thế hệ sau*, đặc biệt là những kinh nghiệm về quan hệ giữa con người với tự nhiên và với xã hội.

Đối với cư dân gốc du mục hay thương nghiệp, do nhu cầu hoạt động nghề nghiệp để sống, con người cần chinh phục đồng cỏ và những vùng xa xôi, đặc biệt chinh phục biển lớn là điều đòi hỏi con người phải có lối tư duy phân tích, mổ xẻ để làm rõ đối tượng. Lối tư duy này sẽ kéo theo tính siêu hình và duy lý, tức là chú trọng, quan tâm tới việc khái quát hoá, trừu tượng hoá từ những cái

cụ thể thành các quy luật khoa học. Vì vậy văn hóa phương Tây sản sinh ra nhiều trị giá, nhiều nhà khoa học.

Sự tương đồng về loại hình nguồn gốc đã đem lại những mô hình ứng xử đối với tự nhiên và xã hội, mô thức tư duy gần gũi nhau, khiến các cộng đồng Đông Á có những tiền đề hết sức thuận lợi để gặp gỡ, giao tiếp và quan trọng là đồng cảm, dễ hoà hợp với nhau cùng vì sự thịnh vượng chung của khu vực.

Đặc trưng cơ bản khác:

Từ những đặc trưng có tính chất gốc nguồn chúng ta có thể thấy những đặc trưng cơ bản khác được phái sinh: là đặc trưng về tổ chức cộng đồng. Do điều kiện phải đối mặt với nhiều thiên tai, cân huy động sức lực của nhiều người, do nhu cầu sản xuất nông nghiệp, nên cư dân nông nghiệp có nhu cầu liên kết cộng đồng, tăng cường nhân lực trong việc trị thủy cho đồng ruộng... cho nên *cư dân nông nghiệp rất coi trọng gia đình và dòng tộc*. Gia đình chính là hạt nhân liên kết chặt chẽ những con người trong gia đình và dòng tộc trước hết để duy trì sự sống bởi lối canh tác lúa nước sau đó là duy trì nòi giống. Cũng vì sản xuất nông nghiệp, nên *cư dân nông nghiệp thích lối sống trọng tình cảm, lấy tình nghĩa làm đầu*. Lối sống trọng tình cảm này dẫn đến thái độ trọng văn, trọng đức, trọng phụ nữ. Nguyên tắc ứng xử trọng tình trong tổ chức cộng đồng còn thể hiện ở lối xưng xử mềm dẻo, hòa hiếu và linh hoạt và nền dân chủ làng xã. Rõ ràng tình cảm và trách nhiệm gắn bó đối với gia đình, dòng họ đã chi phối quan niệm sống lối sống của những con người Đông Á. Nó trở thành một *động lực của sự*

sống, thành giá trị văn hóa đặc hữu của người Đông Á còn ảnh hưởng mãi tới ngày nay.

2.4 Một đặc trưng văn hóa chung nữa của khu vực Đông Á thường được nhắc đến với khái niệm "Vùng văn hóa chữ Hán" (Hán tự văn hóa quyển). Khái niệm này chỉ cộng đồng các nước trong khu vực Đông Á đã từng dùng chữ Hán, một thứ ngôn ngữ từng được các cộng đồng trong khu vực vay mượn để ghi chép. Điều làm nên nét riêng của những quốc gia này là sự ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Nho giáo, cùng với tôn sùng Phật giáo và dùng chữ Hán làm công cụ truyền bá ngôn ngữ và văn hóa. Những quốc gia này bao gồm các cộng đồng quốc gia dân tộc: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam và Triều Tiên

♦ *Vùng văn hóa chữ Hán* cụ thể chỉ Trung Quốc - cái nôi của chữ Hán, sau đó là Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản và Hàn Quốc. Những khu vực nói trên chủ yếu là vùng văn hóa lúa nước, có cơ chế sách phong. Ngoài ra còn có một số dân tộc du mục như dân tộc Mông Cổ, Tây Tạng, tuy nằm trong vùng văn hóa chữ Hán, nhưng không sử dụng chữ Hán.

Sau thất bại của Chiến tranh Thuộc phiên (1840), thế lực Trung Quốc bị suy giảm mạnh, các nước chịu ảnh hưởng bởi chế độ sách phong của Trung Quốc, bắt đầu nghi ngờ về địa vị của chữ Hán. Đặc biệt sau Thế chiến II việc cấm sử dụng chữ Hán được coi là sự thoát khỏi vị trí phiên thuộc của các nước trong khu vực và các nước trong khu vực Đông Á đã sáng tạo và sử dụng chữ viết riêng cho cộng đồng mình.

Tuy nhiên cùng với sự phát triển kinh tế mạnh mẽ của Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Trung Quốc đại lục và Việt Nam; cộng với kinh nghiệm thành công của việc thành lập EU ở châu Âu, đã có những ý kiến kêu gọi thành lập Cộng đồng Đông Á. Tính quan trọng của chữ Hán với tư cách là văn tự quốc tế vùng Đông Á cũng đã được đánh giá lại theo cách nhìn mới. Những quốc gia thuộc Vùng văn hóa chữ Hán từng loại bỏ chữ Hán ở thời kỳ gần đây, đã dần nhận ra tính quan trọng của chữ Hán và văn hóa Hán, vì vậy sự khôi phục chữ Hán cũng bắt đầu được tuyên truyền.

♦ *Nho giáo một giá trị văn hóa phổ quát khu vực Đông Á*

Ảnh hưởng của văn hoá Hán đối với các nước Đông Á là hết sức sâu sắc, đa dạng và lâu dài. Tuy nhiên ảnh hưởng có tính chất cơ bản và quan trọng nhất phải là Nho giáo. *Nho giáo vừa là nền tảng tư tưởng triết học, tôn giáo lại vừa là cơ sở của luân lý đạo đức học, nhận thức luận.* Nó chi phối việc hình thành nhân cách, tổ chức cộng đồng từ gia đình, dòng họ đến quốc gia dân tộc.

Trước hết, Nho giáo là một học thuyết chính trị - đạo đức, do Khổng Tử sáng lập và Mạnh Tử là người kế thừa và phát triển. Ra đời vào thời Xuân Thu - Chiến Quốc đại loạn, có thể nói Nho giáo là một học thuyết chống loạn cứu đời, mang nội dung nhân đạo chủ nghĩa của thời đại.

Lòng tham, dục vọng dẫn đến tranh giành, kiện tụng, chiến tranh, phá hoại sự hoà mục, sự ổn định và trật tự vốn là hình ảnh một xã hội lý tưởng. Muốn chống loạn cứu đời, Nho giáo đề xuất phương án tổ

chức xã hội và cai trị tốt, đồng thời chăm lo giáo hoá con người chu đáo.

Muốn cai trị tốt, cần thiết lập một xã hội có trật tự trên dưới phân minh, sống hoà mục ổn định, an cư lạc nghiệp và ít xáo trộn. Nho giáo lấy mẫu hình gia đình để hình dung thế giới và coi sự êm ấm gia đình (cha từ, con hiếu, anh em, vợ chồng hoà thuận) là mẫu mực của xã hội lý tưởng. Nho giáo chủ trương một ông vua toàn quyền, làm chủ mọi mặt kinh tế, chính trị, quân sự, tư pháp, tôn giáo. Vua là cha của cả nước và quan cũng là cha mẹ của dân. Với tư cách là cha mẹ, vua có trách nhiệm sắp xếp vị trí thứ bậc và phân phối quyền lợi cho mọi người quan và dân và mọi người dù là quan hay dân, đều phải theo thân phận địa vị mà có quyền lợi và trách nhiệm đối với vua với nước. Phải tôn trọng mệnh vua, tuân thủ trật tự đã lập theo phận vị, không được tranh giành. Quan hệ giữa mọi người được quy thành lễ nghĩa để mọi người lấy nó làm chuẩn mực mà sống theo. Lễ nghĩa thậm chí được coi trọng hơn luật pháp. Vì vậy cai trị bằng đức là cách cai trị tốt nhất. Người cầm quyền cần có đức, làm gương và có ơn với dân, để được lòng dân, cai trị bằng lễ, bằng văn, tức là bằng lễ nhạc chứ không phải bằng bạo lực, bằng hình phạt.

Nho giáo hết sức cường điệu tu thân và giáo hoá, hết sức đề cao luân lý. Luân lý Nho giáo nhằm đào tạo con người thích hợp với thể chế lấy gia đình, dòng họ làm nền tảng. Nếp sống trong một xã hội tổ chức giống gia đình. Cho nên đức tính gốc là hiếu và trung. Suy từ đó ra mà kính trọng người trên, và trung với vua. Trong ứng xử với người khác thì giữ gìn lễ nghĩa,

biết nhường nhịn, không tranh giành, khiêm tốn, cẩn thận. Con người là con người của cộng đồng cho nên sống vì cái chung (gia đình, họ hàng, làng nước) chống lại việc mưu lợi riêng. Nghĩa đối lập với lợi, nhân đi ngược lại với làm giàu. Mỗi người, ai cũng phải tu dưỡng đạo đức như vậy. Chức trách của nhà nước chủ yếu cũng là giáo dục con người đạt đến tiêu chuẩn đạo đức như vậy.

Từ khi Đổng Trọng Thư (197 - 107 tr. C.N) "bài thuật bách gia, độc tôn Nho thuật" thì Nho giáo thành công cụ ý thức hệ của chế độ chuyên chế, kéo dài từ đời Hán cho mãi đến đầu thế kỷ XX, không chỉ ở Trung Quốc mà được cả các nước Đông Á học theo.

Gắn bó với chế độ chuyên chế, Nho giáo không mất đi nội dung là học thuyết chính trị - đạo đức, mà còn mang thêm hình thức tôn giáo. Hình thức tôn giáo đó được thể hiện ở ba mặt: Sách vở thánh hiền được coi là kinh điển thiêng liêng. Nội dung học thuyết được thần học hoá. Các nhà tư tưởng Nho giáo được thần hoá, sắp xếp thành đạo thống, được thờ phụng trong văn miếu.

Thực tế hàng chục thế kỷ, Nho giáo vẫn tồn tại như một tôn giáo, nhất là khi chế độ quân chủ chuyên chế có ý thức sử dụng Nho giáo như một công cụ tôn giáo để cai trị, bên cạnh chính quyền và quân đội. Nho giáo tồn tại như một tôn giáo với những cơ sở thực tế của một nền văn minh nông nghiệp với xu hướng tôn giáo đa thần và thể chế tập trung chuyên chế trên cơ sở làng họ phân tán cùng với truyền thống tôn tộc lâu đời.

Và trong tình hình đó, nhà nước xã hội đã thần hoá thánh hiền, biến Nho giáo từ là một học thuyết chính trị đạo đức thành một tôn giáo cũng có đủ kinh điển, thần điện, thánh địa và mọi nghi thức thờ cúng.

Thật ra ở nước Trung Quốc ngày xưa, cùng với Nho giáo còn có Đạo giáo là triết học và sau cả hai biến thành tôn giáo bản địa cùng với Phật giáo từ Ấn Độ du nhập vào Trung Quốc muộn hơn. Cả ba tôn giáo này mặc dù có lúc bất hòa song xu hướng chung là hòa nhập và không phải lúc nào cũng có sự phân biệt với nhau. Ba tôn giáo này đã hòa nhập vào đời sống tôn giáo nguyên thủy vốn phong phú và mạnh mẽ của Trung Quốc xưa. Thậm chí người ta còn cho rằng ba Đạo lớn này bơi trên những dòng sông tôn giáo cổ xưa. Tuy nhiên Nho giáo từ một học thuyết triết học, đúng hơn là luân lý đạo đức học, đã trở thành một tôn giáo. Việc Nho giáo định hướng cho các tôn giáo khác thích ứng với thể chế xã hội, cũng như tâm thức xã hội được Nho giáo hoá có ý nghĩa rất lớn đối với việc dự báo con đường phát triển xã hội cũng như, phát triển tôn giáo...

- Về mặt tôn giáo, Nho giáo phát huy và củng cố luân lý, làm chỗ dựa cho thể chế chính trị. Việc thờ Khổng Tử, tuy không phải là rộng khắp, nhưng được nhà nước đặc biệt coi trọng đã ảnh hưởng sâu đến tầng lớp trí thức mang nặng văn hoá dân tộc, tạo thành một tâm lý, một tinh thần hiếu học, trọng văn hoá, trọng người có chữ trong cả cộng đồng.

Đối với tổ chức cộng đồng, tu dưỡng cá thể lẫn tâm lý tôn giáo, Nho giáo đều có tác dụng tạo ra một xã hội trật tự, ổn định. Con người sống với nhau theo tình nghĩa,

hòa mục. Đồng thời *Nho giáo cũng giáo dục con người lòng nhân ái, trọng nghĩa tình, biết tự kìm chế và giữ gìn đạo đức*. Bên cạnh đó, Nho giáo cũng có những hạn chế, tiêu cực. Đó là sự say mê với cái khung cảnh điền viên, xóm làng, sự gắn bó với quê hương tổ tiên và quan điểm đối lập với nghĩa và lợi... làm cho con người thích cầu an, tâm mắt chật hẹp, sợ mạo hiểm, khó thích ứng với cạnh tranh, với kinh tế hàng hoá, với đô thị, nên gây trở ngại cho sự nghiệp hiện đại hoá.

- Một tác động khác cũng cần nói đến là Nho giáo hay kiểu tôn giáo Đông Á đã đẻ ra một xu hướng tâm linh rất đặc sắc.

Con người luôn có nhu cầu ăn no mặc ấm, ở yên, vui chơi... Ngoài nhiều nhu cầu về vật chất và tinh thần đó, con người cũng cần một sự an tâm khác về đời sống tâm linh, sự thanh thản về tâm hồn. Với một thế giới đầy bất trắc khó hiểu mà con người hình dung trong đó chứa đầy những lực lượng thần linh, thiện có ác có, vì vậy con người muốn thiết lập một quan hệ thân thiện, không đối nghịch với những lực lượng siêu nhiên kia. Nó muốn tìm căn cứ cho cuộc sống, muốn có chỗ dựa tinh thần linh thiêng, muốn tồn tại lâu dài trong thời gian... ở mỗi người, ám ảnh tâm linh như vậy ít hay nhiều có thể không giống nhau. Nhưng sự an tâm về đời sống tâm linh đều là nhu cầu bức thiết không kém gì nhu cầu vật chất của con người. Do nhu cầu đó mới nảy sinh tín ngưỡng, tôn giáo và mê tín, tập trung sự suy nghĩ vào thế giới thần linh, vào thế giới bên kia, quan tâm đến cái hư vô, cái vô cùng...

Nho giáo là học thuyết coi trọng con người, coi người. Tuy vẫn thừa nhận linh hồn và thần linh nhưng Nho giáo không khuyến khích con người quan tâm nhiều đến quý thân và cuộc sống sau khi chết. Con người không phải là cái chỉ tồn tại ngắn ngủi một thời gian. Với niềm tin có thể giới linh thiêng, con người tin ở quan hệ với cha ông, tổ tiên - cội nguồn của mình. Trời là lực lượng siêu nhiên, là cha chung. Trước Trời, con người thấy gần hơn, không cảm thấy yếu đuối, bé nhỏ, tội lỗi như đứng trước chúa sáng thế. Trời cũng theo dõi, thưởng phạt, nhưng hiểu sinh không đe dọa bằng thiên đàng địa ngục và cuộc phán xét cuối cùng. Nho giáo không có quan niệm về ngày tận thế. Vì vậy Kinh Dịch - một trong những bộ kinh của Nho giáo kết thúc không ở quẻ Ký tế (đã hoàn thành) mà ở quẻ Vị tế (chưa hoàn thành) chính là như vậy.

Con người vốn thiện, mang sẵn tính nhân nghĩa, sống với mọi người xung quanh theo tinh thần đạo đức như vậy. Tất nhiên vì tham dục con người có thể làm điều ác. Nhưng mỗi người cần tu dưỡng để giữ tính thiện, để đem lại phúc đức cho con cháu sau này. Con người sống trong dòng giống lâu dài và giữa nhân quần, nên không cảm thấy nỗi cô đơn, sự tuyệt vọng. Họ thấy sống với bà con, chết về với cha ông và hồn vẫn quanh quẩn với con cháu. Cho nên chết không gây ra cảm giác chấm dứt, tuyệt vọng. Cũng là sự hoà đồng giữa Trời, Đất và con Người. Như vậy, đối với thiên nhiên, con người không có thái độ thù địch.

Ở đây, cái yên vui của Nho giáo không khô là đơn giản và có phần ngây thơ.

Nhưng đó là một đời sống tâm linh hỗn thuẩn nhẹ nhàng. Một tôn giáo như thế - không xui con người day dứt về những vấn đề của thế giới bên kia, mà lạc quan, tin ở sức mình, tin ở hiện thế. Từ góc độ này, nó khuyến khích con người an tâm, vui vẻ, chịu đựng và hướng thiện.

Tín ngưỡng vật linh, đa thần có từ thời nguyên thủy, vốn ngây thơ, thiếu cơ sở khoa học. Chân lý tôn giáo không tìm được bằng lý trí. Ngay cả khoa học cũng chưa phải là vạn năng, là tất cả. Phán đoán những điều về tâm linh có phải là chân lý hay không, cũng không phải là việc của số đông, của xã hội. Đó là việc của con người, con người có tự do và cần tự do. Với chúa sáng thế, con người bị đè bẹp, triết học và khoa học, dựa vào lý trí bị lấp lối. Cho nên khi lật ngược thần học thì con người được giải phóng; khoa học và triết học giành được đất phát triển. Nhưng với một tôn giáo không chà đạp con người, không quay lưng với hiện thế, nhìn thế giới là của con người, thế giới có nguồn gốc chứ không phải sản vật được sáng tạo tùy ý của Chúa, thì ngược lại tôn giáo đó tuy có kìm hãm sự phát triển của khoa học và triết học, nhưng nó vẫn còn cần thiết để vỗ về an ủi, tạo ra tâm linh thanh thản trước những biến động ngày càng dữ dội của kinh tế thị trường và sự khủng hoảng của môi trường sống trong xu thế hội nhập.

Từ đầu thế kỷ XX, Nho giáo nó đã tan rã, nhưng chưa phải là mất đi. Việc tin ở Trời, ở Mệnh, việc thờ cúng quý thần, thờ cúng tổ tiên đã tách khỏi nhau quy tụ theo hướng khác, nhập vào những hệ thống khác như vào đền chùa, vào di tích văn

hoá, vào nhà thờ dòng họ... Nếu Nho giáo chỉ là một tôn giáo cụ thể, chắc sự đánh giá về nó không phức tạp lắm. Nhưng nếu nhìn đó là một hình thức tôn giáo Đông Á, một cung cách tín ngưỡng, một xu hướng tâm linh, thì ảnh hưởng của Nho giáo chưa phải là đã hết. Những tôn giáo đã và đang hình thành vẫn là đi theo quỹ đạo dung hợp của Tam giáo.

Tuy học thuyết Nho giáo có những hạn chế, song không thể phủ nhận hoàn toàn những giá trị văn hóa cũng như đóng góp của nó đối với việc hình thành nhân cách con người chủ thể xã hội và mô hình tổ chức cộng đồng của xã hội Trung Hoa cũng như ở các nước chịu ảnh hưởng văn hóa Hán trong khu vực Đông Á thể hiện ở những mặt sau:

Một là, Nho giáo đã góp phần rất quan trọng vào việc tổ chức đời sống xã hội một cách có nề nếp có quy chế kỷ cương chặt chẽ.

Hai là, Nho giáo đã có những cố gắng to lớn thúc đẩy việc học tập tu dưỡng, cống hiến tích cực trong việc giáo dục con người biết hướng thiện, thương yêu đồng loại, làm cho quan hệ giữa người với người ngày một tốt đẹp hơn.

Ba là, Nho giáo tỏ rõ tinh thần tích cực nhập thế, đi vào đời sống xã hội, đảm nhiệm việc dân việc nước việc thiên hạ nhằm thực hiện lý tưởng của mình ở khắp mọi nơi. Những con người xả thân vì cộng đồng, phục vụ lợi ích của dân tộc đều được đánh giá cao.

Bốn là, Nho giáo là một học thuyết chính trị đạo đức, là một tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa khi các nhà Nho tin tưởng

có thể thực hiện được một xã hội trị bình - hoà mục, ổn định, trật tự và đưa con người trở về với cái "thiện" vốn là bản tính của nó.

Những đóng góp đó đã tạo nên những phẩm chất, mẫu mực trong con người Nho giáo thừa trước, và một mô hình xã hội trật tự yên ổn có kỷ cương nền nếp. Tuy nhiên, xây dựng con người mới một xã hội mới không hoàn toàn tách rời việc cải tạo con người cũ và xã hội cũ. Con người là một thực thể xã hội mang tính lịch sử. Xã hội chuyển từ hình thái này sang hình thái khác không thể không mang theo những giá trị văn hóa truyền thống. Mọi cái tích lũy thành để trở thành truyền thống về cơ bản đều thích nghi với một hoàn cảnh cụ thể nào đó, một hình thái kinh tế xã hội nào đó. Phải biết gắn chặt với thực tiễn ngày nay mà kế thừa và phát huy truyền thống mới có thể tiến bước vững mạnh, nhanh chóng. Vì vậy con người chịu ảnh hưởng của văn hóa Hán ngày nay cũng có nhiều đổi mới so với giá trị truyền thống.

- Con người Đông Á ngày nay với tinh thần khoa học hiện đại, không sợ mệnh trời, chủ động cải tạo tự nhiên và xã hội kể cả thay đổi số mệnh của mình. Con người ngày nay được trau dồi về tư tưởng, tình cảm, tri thức, tài năng và thể lực không ngừng vươn lên làm chủ xã hội và tự nhiên.

- Con người Đông Á ngày nay tự hào về nền văn hóa phương Đông có nhiều giá trị văn hóa sâu sắc đã và đang nhiệt tình hăng say lao động sáng tạo vì quyền lợi, hạnh phúc, và vinh dự chung của cộng đồng và khu vực, gác lại những mâu

thuẫn, tìm những giải pháp hài hoà trong một hình thái kinh tế xã hội mà quy luật cơ bản nhất quán bao trùm là không ngừng phát triển và hoàn thiện sản xuất trên cơ sở nền kinh tế tiên tiến hiện đại.

- Con người Đông Á ngày nay căn bản đã xóa bỏ xã hội phân chia giai cấp, trái ngược nhau về quyền lợi, tạo ra một xã hội quan tâm đến giá trị con người, thương yêu và đoàn kết, hữu nghị và hợp tác chặt chẽ với nhau vì sự phát triển và ổn định chung ở khu vực và thế giới.

- Con người Đông Á ngày nay đã gác bỏ và hạn chế tham vọng "trị", "bình" thiên hạ; cổ vũ nhiệt tình yêu nước ở mỗi công dân, đặt danh dự và lợi ích của quốc gia dân tộc lên hàng đầu, đồng thời chân thành tôn trọng độc lập tự do của các dân tộc khác trong khu vực và thế giới, góp phần giữ gìn hoà bình, hữu nghị trong khu vực trên toàn thế giới.

Tóm lại, trên đây là những giá trị văn hóa truyền thống cơ bản của khu vực Đông Á. Đó là những giá trị có tính gốc nguồn từ cư dân trồng lúa, những giá trị trong tổ chức cộng đồng từ quan hệ gia đình dòng họ đến làng xã quốc gia và một giá trị chung nổi bật trong giao lưu và tiếp biến văn hóa trong vùng văn hóa Hán đó là ngôn ngữ Hán và Nho giáo.

Những giá trị này có vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách và tổ chức cộng đồng của con người Đông Á. Nó trở thành truyền thống, thành sức mạnh tinh thần vô cùng mạnh mẽ độc hữu của cư dân khu vực Đông Á, động viên họ tiến bước vào thế kỷ XXI, hội nhập với thế giới trong xu thế toàn cầu hóa.

3. Toàn cầu hóa là một xu thế tất yếu do sự tác động mạnh mẽ của khoa học công nghệ nhất là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, làm biến đổi nhanh chóng đời sống toàn hành tinh từ kinh tế, chính trị đến an ninh, văn hóa giáo dục, môi trường... Toàn cầu hóa cũng tạo cơ hội và thách thức đối với các giá trị văn hóa truyền thống và sự phát triển con người ở khu vực Đông Á.

Trước hết nhờ hội nhập quốc tế, các nước Đông Á trừ một số nước phát triển, còn những nước chậm phát triển đã có cơ hội phát triển kinh tế, thâm nhập vào nền kinh tế thị trường khu vực và thế giới. Bên cạnh đó là nhiều giá trị văn hóa hiện đại khác như khoa học và công nghệ, văn học và nghệ thuật cũng được tiếp thu và chính những yếu tố này đã góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội, làm thay đổi diện mạo của các cộng đồng, thay đổi cả lối sống của con người.

Quan trọng hơn, hợp tác giao lưu hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa đã tạo ra cơ hội và khả năng tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc trong và ngoài khu vực, qua đó góp phần nâng cao dân trí và khả năng tự khẳng định cộng đồng mình trước cộng đồng quốc tế. Qua giao lưu văn hóa cũng tăng cường thái độ dung chấp văn hóa, đối thoại văn hóa. Từ đó các giá trị truyền thống của Đông Á như ham học hỏi, cần cù, đề cao tính cộng đồng, tôn trọng gia đình và huyết thống được khẳng định và bảo lưu.

Khách quan mà nói, những giá trị văn hóa truyền thống trên về cơ bản vẫn được đa số các cộng đồng Đông Á gìn giữ, tôn trọng và đề cao. Tuy nhiên, giá trị văn hóa

hoàn toàn không phải là cái gì bất biến. Trong xu thế hội nhập toàn cầu, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, với sự tác động ghê gớm của nền kinh tế thị trường thì những giá trị văn hóa mang tính chất khu vực, quốc gia, dân tộc... đều chịu những biến đổi nhất định. Trong sự biến đổi đó, rõ ràng các giá trị có tính nhân loại, giá trị có tính toàn cầu nói chung được tăng lên thì lẽ tự nhiên các giá trị văn hóa khu vực, dân tộc sẽ giảm xuống. Vấn đề là cần giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, giữa tính nhân loại và tính dân tộc trong các nền văn hóa. Trong thời đại toàn cầu hóa về văn hóa, Liên hiệp Quốc đang kêu hãy *đối thoại giữa các nền văn hóa, biết bao dung văn hóa để các cộng đồng tránh khỏi những bất đồng, những xung đột về các giá trị văn hóa*. Toàn cầu hóa về văn hóa không có nghĩa biến mọi nền văn hóa thành một mô hình văn hóa của một cường quốc nào đó, mà là sự cổ vũ cho đa dạng văn hóa trong khu vực và trên toàn hành tinh.

Khi hội nhập quốc tế, các giá trị văn hóa truyền thống lẫn các giá trị khác không còn bị khép chặt trong biên giới chật hẹp của mỗi quốc gia dân tộc. Một mặt các giá trị văn hóa truyền thống vẫn giữ được những nét độc đáo; mặt khác những giá trị đó khó tránh khỏi sự thương mại hóa khi người ta dùng nó để quảng bá cho mục đích phát triển kinh tế, lúc đó những giá trị nguyên sơ, thâm nghiêm của nó khó mà bảo lưu được.

Tinh thần yêu nước là một trong những giá trị văn hóa nổi bật của các cộng đồng Đông Á. Có thời kỳ dài lâu, tinh thần này được đánh giá ở những hành vi chiến đấu

quên mình vì độc lập, cho đất nước và tự do cho dân tộc. Giờ đây, giá trị của tinh thần yêu nước được đo bằng sự đóng góp cho công cuộc phát triển đất nước, rút ngắn khoảng cách với các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới. Vì vậy nó đòi hỏi công dân trong các nước chậm phát triển như Việt Nam cần phải vươn lên, nâng cao về trí tuệ, khoa học và công nghệ, để thiết thực xây dựng đất nước, mới giúp Việt Nam thoát khỏi cơ hội tụt hậu xa hơn, mà trước hết là về kinh tế.

Tinh thần hiếu học với tính cách là một giá trị văn hóa của cộng đồng Đông Á nhìn chung là được bảo lưu, song cũng có nhiều biến đổi khác trước. Nếu như trước đây hiếu học do ham hiểu biết, để khám phá; mục đích học là để làm người, thì ngày nay tinh thần hiếu học vẫn còn phổ biến, nhưng mục đích học đã thay đổi đi nhiều, nhất là trong lứa tuổi trẻ. Việc học để khám phá, hiểu biết, học để làm người giờ đây không quan trọng bằng học để có địa vị xã hội cao, học để có nhiều tiền... Điều đáng lo ngại là ở chỗ những giá trị nhân văn, phần khoan dung của sự học có nguy cơ bị đẩy ra ngoài lề của sự học. Cánh cửa hội nhập mở ra cũng đồng nghĩa với các giá trị văn hóa khác, có cả tốt và xấu cùng du nhập. Cùng với tri thức mới của nền văn minh là những lối sống thực dụng, cực đoan, vị kỷ cũng tràn vào khu vực Đông Á đang đe dọa giết chết giá trị chân chính của sự học. Vì vậy cần giáo dục cho mọi công dân đặc biệt thế hệ trẻ trong mỗi cộng đồng thấy được ý nghĩa chân chính của việc học tập, coi tinh thần hiếu học là một giá trị truyền thống của mỗi dân tộc, xác định mục đích của học tập là để trở thành con người chân chính

vừa có phẩm chất đạo đức vừa có trình độ chuyên môn cao để góp phần xây dựng đất nước, thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội, chứ không phải học chỉ là để "vinh danh phì gia"

Một giá trị văn hóa truyền thống khác rất đáng quan tâm của cộng đồng Đông Á đó là sự tôn trọng gia đình và huyết thống, dòng tộc thể hiện ở tinh thần trách nhiệm, vai trò gương mẫu của cha mẹ đối với con cái, hành vi kính trên nhường dưới, kính già yêu trẻ, sự hiếu thuận của con cái đối với cha mẹ, lòng thủy chung và tình nghĩa vợ chồng... đã được bảo lưu từ lâu đời ở khu vực này. Từ gia đình đến làng xã và quốc gia có mối quan hệ chặt chẽ ở Đông Á. Trong đó vai trò của văn hóa lúa nước và Nho giáo là không nhỏ trong việc lập ra tổ chức cộng đồng trên. Cho dù đã xảy ra nhiều biến cố thăng trầm trong lịch sử, thì sự bảo lưu bền vững gia đình ở Đông Á vẫn được coi là một giá trị quan trọng của mạng lưới quan hệ xã hội phương Đông.

Tuy nhiên trong quá trình hội nhập toàn cầu, giá trị gia đình, từ độ lớn, đến độ bền vững, quan niệm sống của những thành viên gia đình... đã và đang có nhiều biến đổi khá nhanh chóng. Số lượng gia đình lớn có từ ba thế hệ trở lên cùng chung sống càng ít đi, ở cả nông thôn lẫn thành thị. Đã xa rồi cái hiếu thuận của thời "tứ đại đồng đường".

Phạm trù trình tiết như một giá trị truyền thống ngày nay đã bị mờ nhạt. Xã hội hiện đại nhiều lần lên án lối sống buông thả, thanh niên nam nữ có quan hệ với nhau tiền hôn nhân ngày càng nhiều. Quan hệ vợ chồng trong các gia đình cũng khác trước. Độ bền vững của các gia đình cũng mỏng manh hơn. Số cặp vợ chồng ly

hôn ngày càng tăng và điều đáng lo ngại là thời gian ly hôn sau khi kết hôn và độ tuổi ly hôn ngày càng thấp dần. Rõ ràng giá trị gia đình truyền thống đang bị phá vỡ nghiêm trọng. Lý giải điều này cũng không hề đơn giản. Tuy nhiên có thể thấy rằng quan hệ hôn nhân và gia đình có xu hướng thực dụng vụ lợi chạy theo đồng tiền, ích kỷ ngày một tăng. Nhiều cuộc hôn nhân hoàn toàn không phải xuất phát từ tình yêu của cả hai phía mà hoàn toàn là những tính toán về địa vị xã hội, về lợi ích vật chất. Điển hình là những cuộc hôn nhân với người nước ngoài ở Việt Nam, những cô gái Việt xếp hàng để người nước ngoài có tiền chọn lấy làm vợ, bất kể người đàn ông đó có già quá lứa hay khuyết tật thế nào, hoặc nhân cách ra sao cũng không cần biết đến, miễn là được hứa hẹn ăn sung mặc sướng để được thoát khỏi cảnh chân lấm tay bùn nơi miền quê nghèo. Nhiều hậu quả không có hạnh phúc, thậm chí còn có án mạng đối với những cuộc hôn nhân này đã được báo chí đề cập tới. Đáng buồn là ngay cả những người lớn trong gia đình cũng không tỉnh táo khuyên nhủ con gái, mà còn ủng hộ hôn nhân kiểu thực dụng này, với hy vọng gia đình cũng vì thế mà có cơ may được đổi đời. Điều này có một phần do các phương tiện truyền thông hiện đại và hội nhập giao lưu văn hóa đã tiếp nhận cả những giá trị tích cực lẫn tiêu cực trong đó có lối sống không lành mạnh từ nước ngoài vào, đã làm thay đổi, phá vỡ những giá trị truyền thống về gia đình của cư dân Đông Á rất nhanh chóng.

Rõ ràng vấn đề gia đình dường như đang trở thành một trào lưu có tính toàn

cầu mà nhiều nước phải đối mặt và đang bận tâm, tìm cách giải quyết để nó không cản trở tiến bộ xã hội; trong đó phải kể tới các nước Đông Á vốn có truyền thống về mô hình gia đình hòa thuận trên kính dưới nhường và bền chặt. Nhưng đến nay những giá trị này dường như đã bị thay đổi quá nhiều. Nước đông dân như Trung Quốc vốn là cái nôi của Nho giáo giáo dục con người biết tôn trọng gia đình, dòng họ nhưng cũng đã phải lên tiếng cảnh báo nhiều vụ ly hôn luôn xảy ra, lối sống thác loạn, buông thả được sách báo viết ra nhan nhản thành cả một trào lưu văn học tình dục. Đất nước Nhật Bản học tập phương Tây, phát triển cả trăm năm nay, nhưng vấn đề gia đình cũng nhiều bức xúc, số người độc thân tăng, gia đình không bền vững cũng lắm... Có thể nói sự phá vỡ các khuôn khổ gia đình sẽ kéo theo nhiều hậu quả khôn lường đối với xã hội Đông Á. Khi gia đình không còn bền chặt, bố mẹ ly hôn, con cái mất chỗ dựa về cả vật chất và tinh thần, không người chăm lo, đặc biệt tâm lý bị tổn thương nặng nề. Từ đó các tệ nạn về trẻ em lang thang, nghiện hút, cướp giật, dâm dục, băng đảng, giết người mang tính chất xã hội đen... Thật ra những gia đình ly hôn thì mọi thành viên đều phải chịu hậu quả của sự việc này, nhưng nhạy cảm và thiệt thòi nhất là con cái. Như vậy từng gia đình – tế bào của xã hội không còn yên ổn thì cả xã hội làm sao có thể gọi là trong lành và yên ổn. Một trong những cơ sở của sự tiến bộ xã hội do vậy đã bị tổn thương, bị đe dọa ngay ở khâu quan trọng đấy là gia đình.

Như vậy có thể thấy những giá trị văn hóa truyền thống luôn là động lực mạnh

mẽ trong việc định hướng cho mỗi con người, mỗi cộng đồng những quan niệm sống, lối sống tốt đẹp hướng về chân thiện mỹ. Tuy nhiên những giá trị ấy cũng chịu ảnh hưởng và bị tác động của hội nhập và giao lưu quốc tế, nhất là trong xu thế toàn cầu hóa đang diễn ra ngày một mạnh mẽ làm thay đổi từng ngày diện mạo của xã hội loài người. Vì vậy mỗi cộng đồng dân tộc trong khu vực Đông Á cần thấy được những mặt tích cực cần bảo tồn và phát huy lẫn những hạn chế của những giá trị truyền thống có thể cản trở sự tiến bộ xã hội để sửa đổi. Mặt khác do sức ép của toàn cầu hóa, do áp lực áp đặt văn hóa của một số nước giàu, nhờ các phương tiện truyền thông hiện đại mà các giá trị không phù hợp, thậm chí phản giá trị được lan truyền nhanh chóng, làm cho các giá trị lâu đời ở các cộng đồng và ở chung trong khu vực có nguy cơ bị đe dọa biến đổi, hoặc bị xói mòn. Vì vậy nhiệm vụ phải bảo vệ và làm phong phú những giá trị văn hóa truyền thống thông qua tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa những giá trị của các nền văn hóa khác, cũng quan trọng như tìm ra những biện pháp hữu hiệu nhất để chống lại sự lai căng, cao hơn là bị đồng hóa bởi các nền văn hóa khác.

Trong điều kiện toàn cầu hóa hiện nay, các cộng đồng Đông Á nếu biết kết hợp hài hòa các giá trị truyền thống với các giá trị hiện đại, biết loại bỏ những yếu tố lỗi thời, giữ lấy những tinh hoa, tăng cường giao lưu văn hóa với quốc tế để tiếp nhận những giá trị văn hóa mới..., sẽ vượt qua được mọi thách thức, mới có thể khơi dậy được vai trò động lực của các giá trị văn hóa truyền thống, phục vụ cho sự phát

triển và tiến bộ xã hội. Mặt khác các công đồng Đông Á, cũng cần chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, theo tinh thần phát huy tối đa nội lực của truyền thống “đồng chủng đồng văn” chia sẻ những kinh nghiệm, nước giàu giúp đỡ nước nghèo, nước văn minh dìu dắt nước chậm phát triển chắc chắn Đông Á sẽ có nhiều con Rồng hơn nữa, phục hưng Đông Á góp phần phát triển và ổn định khu vực cũng như thế giới.



TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Trần Lê Bảo (chủ biên): *Văn hóa sinh thái nhân văn*. Nxb ĐHSP Hà Nội 2005
2. Trần Lê Bảo: *Khu vực học và nhập môn Việt Nam học*, Nxb Giáo dục, 2008
3. Nhiều tác giả. *Lịch sử văn hóa Trung Quốc* (Ba trăm đề mục) Nxb Cổ tịch Thượng Hải – Nxb VHNT Hà Nội, 1999
4. Phêdêricô Mayo: *Một thế giới mới Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam* 1999
5. *Toàn cầu hóa văn hóa*. Tư liệu chuyên đề. Học viện Chính trị Quốc gia HCM 2000
6. *Tuyên bố ASEM về Đối thoại giữa các nền văn hóa và văn minh* (Hội nghị Á Âu lần thứ V) 2004
7. Lương Duy Thứ (chủ biên): *Lịch sử văn hóa phương Đông*, NXB Giáo dục, 1996
8. A.Radugin: *Từ điển bách khoa Văn hóa học*. Vũ Đình Phòng dịch, Viện NCVHNT 2002